TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 119/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 25 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Tạ Thị T**, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và anh **Trần Hoàng L**, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Hoàng L và chị Tạ Thị T cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận anh L và chị T thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của anh, chị về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Ngày 17/4/2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh L và chị T đoàn tụ; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha, mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên anh L và chị T đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, sự quan tâm, chăm sóc và tình cảm yêu thương nhau không còn nên không đồng ý đoàn tụ và cương quyết yêu cầu Tòa án công nhận việc anh L và chị T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh L và chị T đã thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 10/11/2002 và cháu Trần Minh T, sinh ngày 11/04/2008 cho chị T nuôi dưỡng, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng, chia đều cho mỗi con chung là 500.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung thành niên và có khả năng lao động.

[3] Về nợ chung và tài sản chung: Anh L và chị T đều khai không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của anh L, chị T.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng L và chị Tạ Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung tên là Trần Thị Cẩm V - sinh ngày 16/01/2000, Trần Minh T - sinh ngày 10/11/2002 và Trần Minh T - sinh ngày 11/04/2008. Do cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên chị T và anh L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị T và anh L thỏa thuận giao cháu Tiến và cháu Tâm cho chị T nuôi dưỡng, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/02 con chung, chia đều cho mỗi con chung là 500.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật Dân sự nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0002144 ngày 17/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đồng Nai được trừ vào số tiền lệ phí chị T phải nộp. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Hùng